

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-PT

Ngày: 29/5/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui (họ)*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Luyện.

Các Thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên.
Ông Phạm Thành Dương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Đức.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* bà Vũ Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui (Họ)*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2020/QĐ-PT, ngày 20/02/2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐ-PT ngày 10/3/2020, số 53/2020/QĐ-PT ngày 26/3/2020, số 67/2020/QĐ-PT ngày 24/4/2020, số 110/2020/QĐ-PT ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Triều Thị H (thường gọi: Hường Tú), sinh năm 1949

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1966

2.2. Ông Võ Duy T, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T ủy quyền cho bà Triều Thị H đại diện tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 06/9/2019 được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận).

3.2 Bà Trần Thị L, sinh năm 1981

3.3. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Triều Thị H, kháng cáo bản án sơ thẩm số 111/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết gồm:

Không đồng ý với quyết định của Hội đồng xét xử sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

(Bà H có mặt tại phiên tòa; bà C, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Triều Thị H trình bày:*

Năm 2015, bà tham gia một dây hụi gồm 12 phần với 09 thành viên, hụi do bà Trần Thị L làm chủ, kỳ mở hụi 06 tháng một lần, bà tham gia 02 phần. Mỗi phần hụi sống đóng 10.000.000đ và mỗi phần hụi chết (khi đã hốt hụi) đóng 15.000.000đ, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 20/02/2015 (âm lịch). Dây hụi này đã mở được ba kỳ, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Mở hụi ngày 20/02/2015 (âm lịch), chủ hụi sẽ là người lĩnh trước nên bà đưa tiền đến góp hụi cho bà L nhưng bà L nói nhường cho ông Nguyễn Trọng T1 lĩnh trước nên bà đưa cho ông Tiên 02 phần hụi với số tiền 20.000.000đ;

- Lần thứ hai: Hụi mở ngày 20/08/2015 (âm lịch), trước đó bà có trao đổi với bà L là bà sẽ lĩnh hụi kỳ thứ hai và bà L đã đồng ý. Đến kỳ lĩnh hụi thì bà L có dẫn bà xuống nhà bà Nguyễn Thị V là thành viên tham gia. Do thấy hoàn cảnh gia đình bà V khó khăn và trước đó bà cũng đã góp hụi kỳ thứ nhất cho ông Tiên rồi nên bà cũng đồng ý nhường lại cho bà V lĩnh hụi kỳ thứ hai. Do vậy, bà đã trực tiếp đưa cho bà V 02 phần hụi với số tiền 20.000.000đ, bà V là người nhận tiền trước sự chứng kiến của chủ hụi.

- Lần thứ ba: Hụi mở ngày 20/02/2016 (âm lịch), do trước đó bà đã trao đổi với chủ hụi rằng bà sẽ lĩnh hụi ở kỳ mở hụi thứ 3 và được bà L đồng ý. Tuy nhiên, đến kỳ lĩnh hụi này thì bà L nói với bà là con của bà C, ông T bị bệnh nên đề nghị bà nhường lại cho bà C ông T lĩnh hụi thì bà cũng đồng ý. Bà trực tiếp

đưa 20.000.000đ cho bà C và bà C đã đem tiền đưa lại cho ông T. Việc đưa tiền có sự chứng kiến của chủ hội.

Đến kỳ mở hội lần thứ tư bà là người được lĩnh hội thì bà L đã bỏ đi khỏi địa phương. Dây hội này chưa mãn nhưng do bà L là chủ hội bỏ đi nên ngưng không góp hội nữa.

Bà thừa nhận khi tham gia hội thì bà chỉ thấy từ 05 đến 06 người có mặt ở nhà bà L, nhưng theo lời bà L nói thì dây hội này có 09 thành viên. Tuy nhiên, trong ba kỳ mở hội trên không lần nào có đủ tất cả các thành viên như bà L nói. Thực tế, bà chỉ biết bà V, bà C, ông T, ông Tiên là những người đã lĩnh hội còn những người khác bà không biết.

Khi tham gia hội, chủ hội và thành viên có mặt thỏa thuận (không làm thành văn bản) mục đích của việc góp hội là để giúp làm ăn phát triển kinh tế, hỗ trợ nhau lúc khó khăn. Khi lĩnh hội sẽ đưa cho chủ hội tiền đầu thảo (hoa hồng) là 300.000đ và có một bữa cơm mời chủ hội và thành viên khác cùng ăn. Chủ hội và thành viên cũng thỏa thuận miệng là nếu thành viên nào khó khăn thì sẽ nhường cho thành viên đó lĩnh trước, chủ hội có trách nhiệm đi thu hội và giao hội cho các thành viên được hót. Trường hợp, thành viên không góp hội thì chủ hội phải có trách nhiệm thanh toán tiền hội trước cho hội viên được hót và sau đó đi thu lại của những người chưa đóng hội.

Tại kỳ mở hội lần thứ ba, bà yêu cầu bà L cung cấp cho bà một biên bản hội để bà biết thì bà L đưa cho bà một tờ giấy photo với tiêu đề “Biên bản chơi hội” ghi ngày 20/02/2015 (âm lịch). Biên bản này có chữ ký của chủ hội là bà Trần Thị L và chồng chủ hội là ông Nguyễn Trọng T ký, tài liệu này bà chỉ có được bản photo, sau đó bà tiếp tục photo thêm và đã nộp cho Tòa án. Biên bản này có nội dung:

“.....Chủ hội Trần Thị L áp 11

Các thành viên chơi hội gồm

Nhất trí chơi hội 6 tháng 1 lần còn theo năm dư thì tính tới. Trong hội nếu thành viên nào khó khăn thì hội yêu tiên cho thành viên đó bốc trước khi đóng hội phải đóng đầy đủ: trong ngày phải nộp tiền đầy đủ cho người bốc hội, còn nếu ai chơi hội dở dang thì đến cuối cùng.....Trước khi ăn hội nộp tiền đầu thảo 300.000đ còn nếu thành viên nào chạy hội thì chủ hội phải có trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho hội viên khác. Sóng 10T, chết 15...”

Bà xác định biên bản hội này do bà L trực tiếp viết, photo đưa cho bà một bản, nội dung trên được thể hiện trong biên bản thì bà không có ý kiến gì và cũng đã đồng ý tham gia chơi hội theo như thỏa thuận miệng cũng như trong biên bản.

Trong biên bản chơi hội có ghi nhận 09 thành viên tham gia, bà chỉ biết ông C, bà T, ông T, bà V còn những người khác thì bà không rõ thông tin, địa chỉ.

Theo biên bản này thì bà C, ấp 2 là người lĩnh hội ở kỳ mở hội thứ 3, kỳ mở hội thứ 4 thì người lĩnh là Huỳnh Tú (Huỳnh Tú là tên thường gọi của bà) nên bà mới đưa tiền hội cho bà C, ông T như đã trình bày ở trên.

Tại biên bản làm việc ngày 30/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ đối với ông Võ Duy T (bà đã cung cấp bản sao tài liệu này cho Tòa án) có ghi nhận việc bà C, ông T có tham gia chơi hội do bà L là chủ hội và có đồng ý trả cho bà số tiền hội gốc bà đã đóng là 20.000.000đ cùng tiền lãi hội là 10.000.000đ (tiền này được thanh toán khi mãn hội). Tại buổi làm việc không có mặt của bà và theo biên bản này cũng không có chữ ký của ông T do ông đã tự bỏ về và không ký vào biên bản.

Sự việc bà tham gia góp hội như trên thì ông Nguyễn Xuân T là chồng bà cũng biết và đồng ý. Số tiền góp hội là tài sản chung của vợ chồng bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị C và ông Võ Duy T cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà và chồng bà số tiền nợ hội là 30.000.000đ (trong đó có 20.000.000đ là tiền nợ hội gốc và 10.000.000đ là tiền lãi) và tiền lãi trên số tiền 30.000.000đ từ ngày 20/02/2017 cho đến ngày xét xử là 21.000.000đ (30.000.000đ x 35 tháng x 2%).

** Bản khai, biên bản ghi lời khai bà Trần Thị C và ông Võ Duy T trình bày:*

Ông bà thừa nhận trong năm 2015 có tham gia góp hội do bà Trần Thị L là chủ hội, thời gian cụ thể thì không nhớ rõ. Ông bà không biết rõ tất cả những thành viên là ai, ở đâu mà chỉ biết chủ hội là bà Trần Thị L. Ông bà tham gia hai phần, mỗi phần sống đóng 10.000.000đ, chết đóng 15.000.000đ.

Việc góp hội không được lập thành văn bản, tuy nhiên có thỏa thuận nội dung chủ hội là người có trách nhiệm thu hội và giao hội cho các hội viên khi đến kỳ mở hội. Trường hợp các hội viên không góp hội thì chủ hội phải có trách nhiệm bỏ tiền ra thanh toán cho hội viên được lĩnh. Khi hội viên lĩnh hội sẽ trả cho bà L tiền đầu thảo (hoa hồng) là 300.000đ. Mặc dù thỏa thuận này không được lập thành văn bản nhưng những thành viên tham gia đều phải thừa nhận.

Ông bà đã lĩnh được phần hội của mình nhưng không nhớ rõ thời gian với số tiền là 100.000.000đ do bà L trực tiếp giao cho ông bà. Sau khi lĩnh hội được một thời gian thì bà L bỏ địa phương đi nên dây hội bị dừng lại. Ngày 16/2/2019 bà L về lại địa phương thì ông bà đã giao cho bà L 40.000.000đ để bà L giao cho thành viên được lĩnh ở kỳ mở hội kế tiếp (có giấy giao tiền bà L đã ký xác nhận đã nộp cho tòa án).

Đối với biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 30/01/2019 ông bà xác định: Tại buổi làm việc không có mặt bà H, chỉ có mặt ông T cùng cán bộ của ủy ban. Khi làm việc ông T trình bày khi thỏa thuận việc góp hội thì không có biên bản, còn việc giao nhận hội do bà L trực tiếp thu và giao hội cho các thành

viên. Ông xác định ông đồng ý trả hai phần hui do ông bà đã lĩnh nên phải đóng lại nhưng việc giao lại tiền hui là giao cho bà L chủ hui chứ không phải giao cho thành viên. Còn trách nhiệm của chủ hui là khi nhận tiền của ông bà thì giao lại cho hội viên được lĩnh. Thực tế ông bà không biết kỳ mở hui tiếp theo ai là người lĩnh và cũng không biết bà H. Ông không đồng ý ký vào biên bản làm việc và đã bỏ về nhà. Vì vậy, với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông bà không đồng ý.

**Bà Triều Thị H là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T trình bày:*

Bà H với ông T là vợ chồng. Số tiền bà H dùng vào việc góp hui là tài sản chung của vợ chồng và ông biết việc bà H tham gia góp hui do bà L là chủ. Nay ông yêu cầu bà Trần Thị C và ông Võ Duy T cùng có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông số tiền nợ hui là 30.000.000đ (trong đó có 20.000.000đ là tiền nợ hui gốc và 10.000.000đ là tiền lãi) và tiền lãi trên số tiền 30.000.000đ từ ngày 20/02/2017 cho đến ngày xét xử là 21.000.000đ (30.000.000đ x 35 tháng x 2%). Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

** Bà Trần Thị L, ông Nguyễn Trọng T vắng mặt nên không có lời khai.*

** Tại Bản án số 11/2019/DS-ST, ngày 15/11/2019, Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 235, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019; Điều 15,17, 20, 21, 22, 29, 30 Nghị định 144/ NĐ – CP ngày 27/11/2006 quy định về hui, họ, biên, phường;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triều Thị H đối với bà Trần Thị C và ông Võ Duy T về việc yêu cầu bà Trần Thị C và ông Võ Duy T có trách nhiệm thanh toán cho bà và chồng bà là ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ hui là 30.000.000đ (trong đó có 20.000.000đ là tiền nợ hui gốc và 10.000.000đ là tiền lãi) và tiền lãi trên số tiền 30.000.000đ từ ngày 20/02/2017 cho đến ngày xét xử là 21.000.000đ (30.000.000đ x 35 tháng x 2%).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết:

Kháng cáo của bà H là trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục chung.

Kháng cáo của bà H là không có căn cứ để chấp nhận vì: Mặc dù thỏa thuận góp hội không lập thành văn bản nhưng qua các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện các bên tham gia góp hội, bà H, bà C, ông T là thành viên. Bà H khởi kiện sai đối tượng, bản án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ.

Vì những phân tích trên, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà H, y án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Trần Thị H trong thời hạn nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng những người tham gia tố tụng.

[4] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bà C và ông T trả tiền góp hội. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” là đúng pháp luật.

[5] Về việc các đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm: Bà H là người kháng cáo có mặt tại phiên tòa, các đương sự khác không kháng cáo vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[6] Về nội dung yêu cầu kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Năm 2015, bà H tham gia một dây hội gồm 12 phần với 09 thành viên, hội do bà Trần Thị L làm chủ, kỳ mở hội 06 tháng một lần, bà tham gia 02 phần. Mỗi phần hội sống đóng 10.000.000đ và mỗi phần hội chết (khi đã hốt hội) đóng 15.000.000đ, kỳ mở hội đầu tiên vào ngày 20/02/2015 (âm lịch). Dây hội này đã mở được ba kỳ, cụ thể: Vào ngày

20/02/2015 (âm lịch), ngày 20/08/2015 (âm lịch) và ngày 20/02/2016 (âm lịch), do trước đó bà đã trao đổi với chủ hội rằng bà sẽ lĩnh hội ở kỳ mở hội thứ 3 và được bà L đồng ý. Tuy nhiên, đến kỳ lĩnh hội này thì bà L nói với bà là con của bà C, ông T bị bệnh nên đề nghị bà nhường lại cho bà C ông T lĩnh hội thì bà cũng đồng ý. Bà trực tiếp đưa 20.000.000đ cho bà C và bà C đã đếm tiền đưa lại cho ông T. Đến kỳ mở hội lần thứ tư bà là người được lĩnh hội thì bà L đã bỏ đi khỏi địa phương. Dãy hội này chưa mãn nhưng do bà L là chủ hội bỏ đi nên ngưng không góp hội nữa.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị C và ông Võ Duy T cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà và chồng bà số tiền nợ hội là 30.000.000đ (trong đó có 20.000.000đ là tiền nợ hội gốc và 10.000.000đ là tiền lãi) và tiền lãi trên số tiền 30.000.000đ từ ngày 20/02/2017 cho đến ngày xét xử là 21.000.000đ (30.000.000đ x 35 tháng x 2%).

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H thì thấy: Bà H là người tham gia chơi hội với bà Trần Thị L làm chủ, lý do bà H khởi kiện bà Trần Thị C và ông Võ Duy T là do đến kỳ lĩnh hội thì bà nhường cho bà Trần Thị C và ông Võ Duy T lĩnh hội sau đó bà Trần Thị L bỏ trốn nên bà H yêu cầu bà Trần Thị C và ông Võ Duy T trả tiền hội cho bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà Trần Thị L và ông Nguyễn Trọng T nhiều lần lên làm việc nhưng bà Trần Thị L và ông Nguyễn Trọng T vắng mặt, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xét xử vắng mặt bà L và ông T.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà H kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan.

Qua nội dung đơn khởi kiện và các biên bản thỏa thuận góp hội không lập thành văn bản nhưng qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện xác định vào năm 2015, bà Trần Thị L đã đứng ra tổ chức góp hội là có thật.

Bà C, ông T đều là thành viên tham gia chơi hội do bà Trần Thị L là chủ hội. Bà L có trách nhiệm thu hội và giao hội cho thành viên hội được hót và được nhận một khoản tiền hoa hồng là 300.000đ nên trách nhiệm thanh toán tiền hội không thuộc về bà Trần Thị C và ông Võ Duy T.

Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Trần Thị C và ông Võ Duy T cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà và ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ hội 30.000.000đ và tiền lãi trên số tiền 30.000.000đ từ ngày 20/02/2017 cho đến ngày xét xử là 21.000.000đ là không có căn cứ, cơ sở chấp nhận, việc bà H khởi kiện bà C và ông T trả tiền hội là không đúng đối tượng khởi kiện theo quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên thấy rằng, kháng cáo của bà Trần Thị H là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H không được chấp nhận, nhưng bà H có đơn xin miễn án phí và bà H thuộc đối tượng người cao tuổi nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Triều Thị H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều 227, Điều 228; Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triều Thị H đối với bà Trần Thị C và ông Võ Duy T về việc yêu cầu bà Trần Thị C và ông Võ Duy T có trách nhiệm thanh toán cho bà và chồng bà là ông Nguyễn Xuân T số tiền nợ hui là 30.000.000đ (trong đó có 20.000.000đ là tiền nợ hui gốc và 10.000.000đ là tiền lãi) và tiền lãi trên số tiền 30.000.000đ từ ngày 20/02/2017 cho đến ngày xét xử là 21.000.000đ (30.000.000đ x 35 tháng x 2%).

2. Về án phí: Bà Triều Thị H được miễn tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Hồng Luyện